

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 29/06/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST – DS ngày 25 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1986; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 02 năm 2008 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Q tại xóm 12, xã A, huyện K. Quá trình chung sống đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh Q thường chơi bời cờ bạc và nợ nần nhiều và vô cớ đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc và không thể chịu đựng được nên chị đã bế con về nhà bố mẹ ở xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để sinh

sống và anh chị sống ly thân nhau 10 năm nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009, thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu B và chị không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn Q hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh Q tại xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn Q và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Q. Anh Q đã biết việc chị Hồng khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hoàng Gia B thì nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị H để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Q

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại: Xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 02 năm 2008 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh Q thường chơi bời không tu trí làm ăn và thậm trí cả đánh đập chị. Bản thân chị đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Q không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Q vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh Q không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại chính quyền sơ sở xóm 12 và Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: Chị H và anh Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn do bản thân anh Q không tu trí làm ăn, chơi bời, rượu chè. Khoảng từ năm 2012 do anh chị mâu thuẫn nên chị H đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thỉnh thoảng có về thăm bố mẹ đẻ anh Q. Hiện nay chỉ có mình anh Q sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại đại phương. Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau 10 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có một con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu B do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về phía anh Q không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án. Qua tham khảo ý kiến nguyện vọng của cháu B thì hiện cháu

đang ở với chị H và nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở với mẹ để ổn định việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu B cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị H không yêu cầu nên anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002542 ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã A, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**